TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **467**/2026/QĐST-HNGĐ	*Đà Nẵng, ngày 11 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 490/2026/TLST-HN ngày 28 tháng 8 năm 2026 về việc: "*Thuận tình ly hôn, nuôi con chung*" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:*

+ Ông **Đinh Công B**, sinh ngày 01/12/1984. Căn cước số: 049084019072 do Bộ C cấp ngày 29/12/2024, địa chỉ: B Hồ N, phường A, thành phố Đà Nẵng.

+ Bà **Nguyễn Thị Thu T**, sinh ngày 20/07/1989. CCCD số: 049189004078 do Cục C1 về TTXH cấp ngày 28/4/2023; địa chỉ: B Hồ N, phường A, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục: Đơn yêu cầu của ông Đinh Công B và bà Nguyễn Thị Thu T nộp tại Tòa án là đúng thủ tục và thẩm quyền được quy định tại Khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ông Đinh Công B và bà Nguyễn Thị Thu T kết hôn vào năm 2017. Có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng (nay là UBND phường A, thành phố Đà Nẵng) theo giấy chứng nhận số: 105 ngày 04/11/2017, hôn nhân tự nguyện. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tại phiên hòa giải ông Đinh Công B và bà Nguyễn Thị Thu T xác định: Trong quá trình chung sống với nhau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, khác nhau về quan điểm sống nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải vã nhau. Mẫu thuẫn đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng không có kết quả. Về tình cảm ông Đinh Công B xác định không còn tình cảm với bà Nguyễn Thị Thu T nữa, vì vậy ông bà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn cho ông bà.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Đinh Công B và bà Nguyễn Thị Thu T thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng giữa ông B và bà T lại không làm được điều này. Tại phiên hòa giải thì ông B và bà T đều xác định không còn tình cảm với nhau. Xét thấy, hiện mâu thuẫn của ông B và bà T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông B và bà T là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Ông Đinh Công B và bà Nguyễn Thị Thu T xác định có 01 con chung là Đinh Công T1, sinh ngày 22/10/2018. Thuận tình ly hôn, ông B và bà T thỏa thuận: Giao con chung Đinh Công T1 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 10/2026 vào ngày 15 hàng tháng.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

[5] Về tài sản chung: Ông Đinh Công B và bà Nguyễn Thị Thu T không yêu cầu Toà án giải quyết nên Toà án không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Ông Đinh Công B và bà Nguyễn Thị Thu T xác định không có nên Toà án không xem xét giải quyết.

[7] Về lệ phí HNGĐ-ST: Ông Đinh Công B và bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001980 ngày 28/8/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 03 tháng 09 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó theo quy định tại Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân**: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Đinh Công B và bà Nguyễn Thị Thu T**.** *(Do công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Đinh Công B và bà Nguyễn Thị Thu T nên Giấy chứng nhận kết hôn số : 105 ngày 04/11/2017 tại UBND phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng (nay là UBND phường A, thành phố Đà Nẵng), không còn giá trị pháp lý.*

- **Về con chung**: Ông Đinh Công B và bà Nguyễn Thị Thu T xác định có 01 con chung là Đinh Công T1, sinh ngày 22/10/2018. Thuận tình ly hôn, ông B và bà T thỏa thuận: Giao con chung Đinh Công T1 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 10/2026 vào ngày 15 hàng tháng.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về lệ phí HNGĐ-ST: Ông Đinh Công B và bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001980 ngày 28/8/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 2 – Đà Nẵng;
- UBND P.An Hải, TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Trâm